

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 3- 2022
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Bùi Thị Liên**, Cán bộ Hưu trí.

2. Bà **Đinh Thị Phong**, Cán bộ Hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST - HNGĐ ngày 29/10/2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 17/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn **Chị Đinh Thị L**, sinh năm 1974.

Trú tại; Xóm B, xã TN, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn : Anh **Đào Văn Đ**, sinh năm 1977.

Trú tại; Xóm B, xã TN, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Hòa Bình, phòng giao dịch Bưu điện Tân Lạc: Đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị Đ**, Phó Giám đốc phụ trách (Chưa có Giám đốc). *Vắng mặt có lý do.*

- Vợ chồng ông bà: **Nguyễn Tuấn T, Vũ Thị H**. Địa chỉ: Số 134, khu TH, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. *Vắng mặt có lý do.*

- **Chị Đinh Thị Th**. Địa chỉ: Xóm Ch, xã TN, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. *Vắng mặt có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 29/10/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị **Đinh Thị L** trình bày:

Chị và anh **Đào Văn Đ**, sau quá trình tự do tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau, anh, chị và hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 15/3/2002. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng cũng tại xóm B, xã TN, huyện Tân

Lạc, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc trong khoảng 17 năm, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Trong 17 năm đầu anh Đ là người biết quan tâm đến gia đình vợ con và chị thấy hạnh phúc và mãn nguyện với người chồng biết yêu thương vợ và hai đứa con ngoan. Bởi thế chị một lòng tin tưởng và luôn chăm lo vun vén cho gia đình chồng con. Nhưng từ năm 2019, bỗng dưng anh Đ không còn quan tâm đến gia đình vợ con mà thường xuyên vắng nhà, đi sớm về khuya thất thường, tính tình thay đổi đến bất ngờ như coi vợ con không còn trên cõi đời nữa vậy. Bao nhiêu tiền nong anh Đ thu vén tự giữ và để đâu, làm gì không bàn bạc với vợ con... Từ đó vợ chồng thường xuyên khúc mắc, cãi vã, chửi bới và anh Đ còn đánh đập chị. Nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác cũng đã có chồng con trong xóm; việc này trong xóm ngoài làng từ trẻ con đến người già đều biết, tuy nhiên chị chưa bắt được quả tang bao giờ; Từ đó anh Đ không còn trân trọng chị và gia đình; bỏ bê không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con: Thường xuyên chửi bới, lăng mạ, xúc phạm chị; Mọi công việc anh tự ý quyết định, không quan tâm hay hỏi ý kiến chị, không những thế còn thường xuyên xúc phạm chị. Chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ không hề có hành động nào chuyển biến; chị cố gắng nín nhịn chịu đựng dù tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn sự gắn kết. Chị luôn phải sống trong ức chế nhưng vẫn cố nhẫn nhịn vì bản thân, vì con cái và vì gia đình. Tuy nhiên chị đã hết giới hạn chịu đựng. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa, không còn cơ hội để vợ chồng đoàn tụ để có một gia đình hạnh phúc; để đảm bảo cho tương lai của bản thân và con chị làm đơn yêu cầu xin được ly hôn anh Đào Văn Đ để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung là Đào Văn D, sinh ngày 13/8/2006 và Đào Văn L, sinh ngày 30/9/2009. Khi ly hôn theo nguyện vọng của các cháu, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai trưởng thành, là người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Chị không đồng ý để anh Đ nuôi cháu nào. Bởi anh Đào Văn Đ là bố nhưng không yêu thương, quý trọng hay có tình cảm với hai cháu; các cháu không cảm nhận thấy tình yêu của người cha; anh Đ sống và đối xử với các cháu quá tệ không bằng người dung nên nếu để anh Đ nuôi dưỡng các cháu, chị thật sự không yên tâm và rất lo ngại cho tương lai cũng như sự phát triển của các cháu. Được nuôi con, vì anh Đ có điều kiện về kinh tế khi chia tài sản và để phòng ngừa trường hợp anh Đ trốn tránh trách nhiệm, bỏ mặc con cái vì anh từng tuyên bố *“Thích thì tao cho một hai tháng, còn không tao đáo cho cũng chẳng làm gì được tao”* nên chị đề nghị Tòa buộc anh Đào Văn Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nuôi cháu Đào Văn L một lần cho đến khi cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng và lẽ ra phải buộc anh Đ đóng góp từ khi chị khởi kiện xin ly hôn (Từ tháng 10/2020) đến khi cháu L đủ 18 tuổi, bởi lẽ từ lúc đó anh Đ không hề có trách nhiệm gì với chị và các con nhưng chị chỉ xin Tòa buộc anh Đ đóng góp cấp dưỡng cho cháu từ tháng 3/2022. Lúc này, cháu L 12 tuổi 05 tháng và đến 01/10/ 2027 cháu đủ 18 tuổi là 05 năm 07 tháng. (*Tức 67 tháng*).

Vậy: 67 tháng x 1.500.000đ = 100.500.000đ (Một trăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Đây là số tiền anh Đ phải cấp dưỡng một lần và đề nghị Tòa bảo thủ số tiền gửi ở Bưu điện để hỗ trợ trả tiền, trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh Đào Văn Đ. Quyền thăm nom, chăm sóc con chung được đảm bảo theo Pháp luật

Về tài sản chung: Khi kết hôn, vợ chồng còn nghèo; Quá trình hôn nhân, ông K bố chồng chị có cắt đất cho vợ chồng trồng cây, làm ruộng. Năm 2003, gia đình nhà chị có cho chị một mảnh đất làm vốn đất lưng nhưng vì một lòng với chồng con nên chị bàn với chồng bán đất của chị để làm nhà trên đất bố mẹ anh Đ cho; anh Đ đồng ý. Vì thế năm 2006, sau khi sinh con trai đầu lòng, chị đã bán đất của mình; bán vàng của bản thân dành dụm từ thời còn con gái cộng thêm phần của ông bà ngoại cho làm vốn riêng lấy tiền làm nhà xây kiên cố để vợ chồng và các con yên tâm làm ăn; Làm xong nhà, còn tiền, chị bàn tiếp với chồng làm nhà say sất thóc, gạo lấy cám nuôi lợn, lấy phân trồng trọt và làm nhà máy say sất, mua dàn máy say sất, xây khu chuồng trại; nấu rượu, nuôi lợn, trồng cây lúa; trồng cây kinh tế như bưởi, cam. Vì chịu khó làm ăn, tần tảo chi tiêu vun vén gia đình nên từ đó kinh tế gia đình dần vững lên, có của ăn của để và chăm lo tốt cho con cái.

Mọi khoản kinh tế trong gia đình anh Đ nắm giữ gồm: Số tiền gửi Bưu điện là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Số tiền cho vợ chồng T H vay: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Ngoài ra còn số bán lợn cho vợ chồng T H 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) vợ chồng Tú Hợp đã trả cho anh Định nhưng anh Đ tự giữ không chia cho chị. Số tiền bán hoa lợi trong vườn như cam bưởi cho chị Định Thị Th năm 2020-2021: 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) anh Đ cũng tự giữ và chi tiêu. 02 (Hai) con lợn đất tiết kiệm của hai con anh Đ cũng tự giữ không đưa cho chị cũng như không trả các con. Không những thế số tiền bán hoa lợi trong vườn như cam bưởi năm nay 2021-2022 và bán cho ai anh Đ cũng không cho chị biết mà tự giữ và chi tiêu. Ngoài những số này, anh Đ còn quản lý cây pơ-rem trên đồi rừng, quản lý đất rừng như thế nào và bao nhiêu chị không nắm được. Về phần đất: Toàn bộ phần đất ruộng cấy lúa anh Đ đã tự chuyển đổi từ ruộng xa về ruộng gần và từ ruộng lúa sang đất trồng cây lâu niên gần nhà và hiện chỉ còn một ruộng để cấy lúa, gần đường xóm và diện tích không nhiều. Vì thế đất trồng cây lâu niên gần đất thổ cư của gia đình chị lớn hơn 2000m² rất nhiều. Tuy nhiên việc chuyển đổi này anh Đ tự làm từ lâu và chuyển cho ai, như thế nào, cụ thể chị không nắm được; Hỏi anh Đ thì anh Đ không chịu hợp tác.

Như vậy: Tài sản của chị và của anh Đ đã được trộn lẫn vào nhau từ rất lâu mà đến nay không thể xác định được rõ ràng đâu là của anh Đ và đâu là của chị. Từ đó chị cho rằng toàn bộ nhà đất và các tài sản khác có trong thời kỳ hôn nhân là tài sản riêng của vợ chồng và khi ly hôn chị đề nghị Tòa án chia làm 02 phần. Một phần lớn hơn chia cho anh Đào Văn Đ và đề nghị chia cho anh phần đất giáp nhà ông K, bố anh Đ (Nay mang tên con Đào Văn B).

Một phần thuộc quyền sử dụng của chị và các cháu và đề nghị Tòa án xem xét cho chị được nhận phần đất bên phải theo chiều đi từ đường vào nhà là phần đất nơi đặt nhà có tổ hợp máy say xát bao gồm cả máy say xát, máy lọc sạn, máy nghiền và cân trọng lượng (*Giá khi mua 29.000.000 đ*) cùng một phần nhà xây.

Nếu được Tòa án chấp nhận chia như trên: Chị xin chịu mọi chi phí về việc xây dựng tường chắn giữa hai phần nhà đất của chị và các con được chia và phần nhà đất thuộc của anh Đào Văn Đ được chia.

Đối với phần tài sản là tiền: Có 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) Gửi Bưu điện huyện Tân Lạc + 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) cho vợ chồng T H vay + (24.000.000đ tiền lợn vợ chồng T H trả + 19.500.000đ tiền búoi cô Th trả = 43.500.000đ (*Bốn mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng*) Số tiền này anh Đ đang cầm giữ = 363.500.000đ. Đề nghị Tòa án chia đôi cho chị và anh Đ mỗi người một nửa là 181.750.000đ. (*Một trăm tám mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).. Đề nghị Tòa bỏ riêng ra 100.500.000đ. (*Một trăm triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền cấp dưỡng nuôi con một lần. Và để thuận tiện cho quá trình thi hành án. Đề nghị Tòa cho chị nhận toàn bộ phần tiền của mình cũng như tiền bảo thủ nuôi dưỡng con một lần bằng khoản tiền gửi tại Bưu điện huyện Tân Lạc.

Đối với 02 con lợn đất tiết kiệm, đề nghị Tòa buộc anh Đào Văn Đ phải trả lại cho hai cháu D và L.

Riêng phần đất ruộng anh Đ đã đổi ra sao và phần đất trồng rừng, trang trại như thế nào, anh Đ đã đổi và giữ. Hiện chị không có chứng cứ và cũng chưa thể chứng minh do anh Đ đã đổi cho những người khác. Những người này có người đã chết, có người chuyển đi nơi khác nên chị chưa thể có căn cứ chứng minh. Chị đề nghị Tòa chưa chia phần này; khi nào chị tìm được chứng cứ và chứng minh được chị sẽ đề nghị xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Về phần vật dụng sinh hoạt thì có 02 xe máy, chị để cho anh Đ chiếc xe mới, đẹp, bền hơn là chiếc xe Fiuchs (*Giá khi mua 34.000.000 đ*), chiếc còn lại là xe tàu mẹ con chị xin được sử dụng làm phương tiện đi lại, làm ăn; các vật dụng khác vợ chồng sẽ tự chia không đề nghị Tòa giải quyết vì chị tin không có tranh chấp. Nếu có sẽ đề nghị Tòa giải quyết bằng vụ án khác.

+ *Công nợ chung*: Không có.

+ *Về án phí*: Đề nghị Tòa giải quyết phần án phí ly hôn chị xin chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con anh Đào Văn Đ chịu; Án phí dân sự đề nghị giải quyết theo pháp luật. Riêng phần chi phí áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và chi phí cho hội đồng thẩm định định giá là 8.000.000 đ, chị xin tự nguyện chịu toàn bộ không yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm.

Vì phía bị đơn anh Đào Văn Đ đã được triệu tập ra tòa làm việc, cho viết bản tự khai; mở phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh Đ cho rằng: Việc kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng, con chung đúng như chị L trình bày. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do chị L hay nói nhiều, kể lể khiến anh rất bức xúc và đã góp ý nhiều lần nhưng chị L vẫn không từ bỏ. Tóm lại lúc đầu anh Đ cho rằng cả chị L và anh đều có lỗi với nhau nhưng vì cả hai tuổi

cũng đã cao, các con chưa trưởng thành nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Đúng như chị L trình bày, anh không có ý kiến gì: Về tài sản chung: Có nhà, đất và các vật dụng sinh hoạt gia đình khác nhưng anh không đồng ý chia. Công nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết về sau, anh Đ không hợp tác, không đến Tòa giải quyết, không cung cấp chứng cứ về tài sản chung, hay riêng cũng như việc vay mượn như thế nào. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh cũng đồng ý. Con chung anh đồng ý để chị L nuôi cả hai cháu nhưng không đồng ý cấp dưỡng đóng góp; Tài sản không đồng ý chia cả về nhà đất, các loại tiền và vật dụng.

Để giải quyết vụ án, chị L đã có đơn đề nghị không cần tổ chức phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như hòa giải nữa mà đề nghị thu thập chứng cứ, thẩm định, định giá để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì chị Đinh Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh Đào Văn Đ cố tình trốn tránh, không hợp tác nên Tòa đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ về đất đai, tài sản và tiến hành thẩm định, định giá. Sau khi có kết quả, Tòa đã tổng đạt giấy báo cũng như ra quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đào Văn Đ nhưng anh Đ biết, hiểu nhưng không chịu ký nhận nên Tòa đã phải lập biên bản và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đến ngày xét xử lần thứ nhất, anh Đào Văn Đ vẫn không có mặt và không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp luật.

Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc cũng đã tiến hành tổng đạt giấy báo cũng như quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định ngày xử tiếp theo và tổng đạt cho anh Đào Văn Đ: Tuy nhiên, đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử không có mặt đầy đủ vì lý do dịch bệnh Covid - 19. Tuy nhiên Tòa cũng đã báo Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử tiếp theo đồng thời tổng đạt đầy đủ cho các bên đương sự. Đến ngày xét xử, anh Đào Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Như vậy: Anh Đào Văn Đ đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Nguyên đơn, chị Đinh Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng: Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định. Tuy nhiên anh Đào Văn Đ vẫn cố tình trốn tránh, anh đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân nên theo quy định tại điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn đề nghị xét xử vắng mặt anh Đào Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị L là phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị L và anh Đ là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng, không còn cơ hội hàn gắn để có một gia đình hạnh phúc nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xử cho chị L được ly hôn anh Đ. Về con chung cần áp dụng quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo đúng yêu cầu và nguyện vọng của các đương sự và thấy anh Đ có tài sản nên chấp nhận yêu cầu đóng góp cấp dưỡng một lần để nuôi con chung trưởng thành. Về tài sản chung

và công nợ chung: Đề nghị Tòa căn cứ lời khai, các chứng cứ đã thu thập giải quyết chia cho chị Đinh Thị L và các cháu một phần nhà đất và tài sản để sinh sống và ổn định cuộc sống sau ly hôn. Về khoản tiền gửi và cho vay đề nghị tòa xác định và phân chia theo pháp luật. Về trách nhiệm nộp án phí: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là chị Đinh Thị L và bị đơn anh Đào Văn Đ, cùng trú tại xóm B, xã TN, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình nên chị L khởi kiện vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật TT Dân sự.

- Anh Đào Văn Đ dù được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chịu đến Tòa giải quyết; anh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt dù Tòa đã làm đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử vắng mặt anh Đào Văn Đ là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Đào Văn Đ kết hôn với nhau ngày 15/3/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Trong quá trình chung sống, được 17 năm đầu hạnh phúc bình thường; nhưng từ năm 2019, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do anh Đ thiếu tôn trọng chị L và gia đình chị, thiếu trách nhiệm với vợ con. Khi chị và gia đình góp ý lại không chuyển biến khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Áp lực trong quá trình mâu thuẫn khiến cả chị và các con thương tổn. Mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết mà còn bị đẩy lên cao khiến chị L quá mệt mỏi. Mâu thuẫn vợ chồng khiến cả hai đều không có cơ hội và không muốn quay về đoàn tụ. Đến nay, tự xác định thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, để đảm bảo cho tương lai của mình và các con, chị L có yêu cầu xin được ly hôn anh Đ.

Xét hôn nhân giữa chị Đinh Thị L và anh Đào Văn Đ được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bình thường được khoảng thời gian 17 năm đầu thì đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa không thể hòa hợp, anh Đ đã không có giải pháp gì để chị L tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc, cả hai đều đã cố gắng xúc phạm lẫn nhau và thực sự đã sống ly thân, không còn khả năng hàn gắn.

Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và sự đồng ý của bị đơn để xử cho chị Đinh Thị L được ly hôn anh Đào

Văn Đ là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Chị Đinh Thị L và anh Đào Văn Đ có 02 (Hai) con chung là Đào Văn D, sinh ngày 13/8/2006 và Đào Văn L, sinh ngày 30/9/2009. Khi ly hôn xét: Theo nguyện vọng của các cháu và quan điểm chị Đinh Thị L nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai trưởng thành là phù hợp; Xét anh Đào Văn Đ đã từ bỏ quyền của mình không đến Tòa để thể hiện quan điểm của mình, không tha thiết đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu nên giao cả hai cháu Đào Văn D và Đào Văn L cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con, thấy anh Đ có điều kiện về kinh tế khi chia tài sản và để phòng ngừa trường hợp anh Đ trốn tránh trách nhiệm, bỏ mặc con cái nên cần buộc anh Đào Văn Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nuôi cháu Đào Văn L một lần cho đến khi cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng. Bắt đầu đóng góp cấp dưỡng cho cháu từ tháng 3/2022. Lúc này, cháu L 12 tuổi 05 tháng và đến 01/10/ 2027 cháu đủ 18 tuổi là 05 năm 07 tháng. (*Tức 67 tháng*).

Vậy: 67 tháng x 1.500.000đ = 100.500.000đ. (*Một trăm triệu năm trăm ngàn đồng*). Đây là số tiền anh Đ phải cấp dưỡng một lần và thấy cần bảo thủ số tiền gửi ở Bưu điện để hỗ trợ trả tiền, trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh Đào Văn Đ. Quyền thăm nom, chăm sóc con chung được đảm bảo theo Pháp luật

[4]Về tài sản chung: Trước khi kết hôn, chị Đinh Thị L và anh Đào Văn Đ chưa có tài sản gì. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ được bố mẹ cắt cho 1804,5m² đất tại thửa 462, tờ bản đồ 20 với 400m² đất thổ cư và 1404,5m² đất vườn tại xóm B, xã TN; Ngoài ra còn cắt cho đất ruộng với các diện tích 474,0m² + 31,4m² + 43,6m² + 1069,9m² (Tổng 1.688,9m²) tại xóm B, xã TN để vợ chồng tự canh tác, làm ăn và ổn định cuộc sống. Tất cả đất này đã được vào sổ mục kê quản lý ruộng đất của xã TN mang tên anh Đào Văn Đ. Kể từ khi được cắt đất cho: anh Đào Văn Đ, chị Đinh Thị L cùng các con vẫn canh tác, làm ăn, sản xuất và cùng hưởng dụng trên phần đất này cho đến nay. Chị Đinh Thị L sau kết hôn cũng được bố mẹ cho một mảnh đất ở quê và được tặng cho vàng, nữ trang làm của hồi môn; Tuy nhiên, vì là vợ chồng và xác định chung sống lâu dài cùng nhau nên chị L có bàn với anh Đ và được sự đồng ý của chồng: Chị L đã bán đất bố mẹ cho ở quê, bán vàng, nữ trang bố mẹ cho mang về làm nhà xây kiên cố, làm khu chuồng trại chăn nuôi, làm sân và làm nhà say sất, mua các loại máy say sất về vợ chồng cùng làm ăn kinh doanh từ năm 2006. Kể từ lúc anh Đ đồng ý và chị L mang tài sản của mình về nhập với tài sản đất đai bố mẹ anh Đ cho vợ chồng để cùng làm ăn thì khối tài sản này đã được hợp nhất và nhập làm một. Qua gần 20 năm chung sống, việc nhập hợp nhất tài sản của vợ chồng Đ L, là có trên thực tế. Bởi vậy: Cần xác định khối tài sản nhà đất hiện mang tên Đào Văn Đ là tài sản chung của vợ chồng và chia theo pháp luật là có căn cứ.

Về phần nhà đất: Trước đây phần đất thuộc thửa 462, tờ bản đồ 20. Nay dự chia thành 02 thửa 590 và 591, tờ bản đồ số 20. HĐXX thấy cần chia cho chị Đinh Thị L và các cháu một phần nhà đất để cư trú, làm ăn, sinh hoạt, học tập và ổn định cuộc sống sau ly hôn là có căn cứ.

Theo đó: Chia cho chị Đinh Thị L phần nhà đất, chuồng trại, nhà máy say sát và các loại máy say sát cùng toàn bộ cây lâu niên trên thửa đất 591 có diện tích 898,4m². (Đất ở 200m², đất trồng cây lâu niên 698,4m²). Phía Đông giáp đường đi của xóm, đường nội đồng; Phía Tây giáp anh Đào Văn Đ; Phía Bắc giáp nhà ông Ph, S V và T; Phía Nam giáp đường bê tông của xóm. Số đo và thông số các cạnh theo đúng sơ đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 326-2021. Hệ tọa độ VN 2000, xóm B tờ bản đồ số 20-(280423-8-d) ngày 10/8/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Lạc.

Theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự xác định giá trị đất là 250.000đ/m². Vậy giá trị được chia của chị Đinh Thị L là:

$$250.000 \text{ đ} \times 898,4\text{m}^2 = 224.600.000 \text{ đ}$$

Chia cho anh Đào Văn Đ phần nhà đất, bếp, công trình phụ cùng toàn bộ cây lâu niên trên thửa đất 590 có diện tích 906,1m²(Đất ở 200m², đất trồng cây lâu niên 706,1m²).. Phía Đông giáp chị Đinh Thị L; Phía Tây giáp anh Đào Văn B; Phía Bắc giáp nhà ông Phử, Sùn Việt và Thu; Phía Nam giáp đường bê tông của xóm. Số đo và thông số các cạnh theo đúng sơ đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 326-2021. Hệ tọa độ VN 2000, xóm Bin tờ bản đồ số 20-(280423-8-d) ngày 10/8/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Lạc.

Theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự xác định giá trị đất là 250.000đ/m². Vậy giá trị được chia của anh Đào Văn Đ:

$$250.000 \text{ đ} \times 906,1\text{m}^2 = 226.525.000 \text{ đ}$$

Phần chi phí ngăn giữa nhà anh Đào Văn Đ và chị Đinh Thị L thì chị Đinh Thị L tự nguyện chịu.

Về phần tài sản là tiền mặt của Đào Văn Đ và Đinh Thị L gồm:

1. Phần tiền gửi Ngân hàng Bưu điện, cả lãi: 270.300.000 đ.
2. Phần tiền vợ chồng T Hp vay: 50.000.000 đ.
3. Phần tiền bán lợn vợ chồng T Hp trả, Đ cầm: 24.000.000 đ.
4. Phần tiền bán bưởi chị Th trả, Đ cầm: 19.500.000 đ .

Tổng phần tài sản bằng tiền mặt của Đào Văn Đ và Đinh Thị L là: 363.800.000đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Số tiền này là tiền chăn nuôi, thu hoa lợi, tích góp của vợ chồng và là tài sản chung nên được chia đôi cho Đào Văn Đ và Đinh Thị L, mỗi người sẽ được: 363.800.000đ : 2 = 181.900.000đ (Một trăm tám mươi một triệu chín trăm ngàn đồng).

Với số tiền được chia này, HĐXX thấy Đào Văn Đ có điều kiện cấp dưỡng đóng góp nuôi con một lần: 181.900.000đ - 100.500.000đ = 81.400.000đ. Đây là số tiền còn lại Đ được nhận. Trong đó có 43.500.000đ Đ đang cầm bởi tiền bán lợn

của vợ chồng T H trả và 19.500,000đ tiền bán buổi chị Th trả nên số tiền Đ còn được nhận từ vợ chồng T H là: $81.400.000đ - 43.500.000đ = 37.900.000đ$

Đây là số tiền còn lại Đào Văn Đ được hưởng.

Số tiền Đinh Thị L được hưởng là $181.900.000đ + 100.500.000đ = 282.400.000đ$ (Hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Như vậy toàn bộ số tiền gửi Ngân hàng Bưu điện Tân Lạc Đinh Thị L và con được hưởng là 270.300.000đ. Ngoài số tiền này chị Đinh Thị L còn được nhận từ vợ chồng T H số tiền 12.100.000đ.

Về các tài sản là vật dụng theo nguyện vọng của chị L chia cho anh Đ 01 xe Fiuchs trị giá khi mua 34.000.000đ; chị và các cháu xin được sử dụng dàn máy say sát gồm 01 máy nghiền, 01 máy lọc sạn, 01 máy say và 01 cân trọng lượng trị giá khi mua là 29,000,000đ cùng 01 xe máy tàu làm phương tiện đi lại

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5]Về án phí: Chị Đinh Thị L tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; Số tiền chị L đã ứng và đã chi cho Hội đồng thẩm định tại chỗ và Hội đồng Định giá là 8.000.000đ chị L tự nguyện chịu mà không yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận là có căn cứ. Số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con anh Đào Văn Đ phải chịu.

Cụ thể: $100.500.000đ \times 5\% = 5.025.000đ$.

Phần án phí dân sự sơ thẩm đề nghị bên nào được chia bao nhiêu thì phải chịu phần án phí này theo pháp luật.

Về số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Đinh Thị L phải chịu gồm: Tiền được hưởng khi chia tiền mặt là $181.900.000đ + 29.000.000đ$ tiền chia dàn máy say sát + $224.600.000đ$ tiền giá trị đất được hưởng + $82.556.000đ$ tiền giá trị phần xây dựng ($20.935.000đ$ nhà để máy say sát + $\frac{1}{2}$ giá trị nhà $28.267.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị sân bê tông $700.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị chuồng lợn $8.954.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị bán mái tôn $10.500.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị cây, hoa màu trên đất $23.700.000đ$) = $533.056.000đ$.

Như vậy án phí dân sự sơ thẩm sẽ bằng $20.000.000đ + 4\%$ vượt quá $400.000.000đ$ là $532,000đ = 20.532.000đ$.

Đây là số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Đinh Thị L phải chịu. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp $21.000.000đ$ theo biên lai số 0005011 ngày 02/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc và được hoàn trả $468.000đ$.

Về số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Đào Văn Đ phải chịu gồm: Tiền được hưởng khi chia tiền mặt là $181.900.000đ + 38.000.000đ$ tiền chia xe máy Fiuchs + $226.525.000đ$ tiền giá trị đất được hưởng + $101.699.000đ$ tiền giá trị phần xây dựng và hoa màu được hưởng ($23.182.000đ$ nhà bếp + giá trị bể nước $6.456.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị nhà $28.267.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị sân bê tông $700.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị chuồng lợn $8.954.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị bán mái tôn $10.500.000đ + \frac{1}{2}$ giá trị cây, hoa màu trên đất $23.700.000đ$) = $548.124.000đ$.

Như vậy án phí dân sự sơ thẩm sẽ bằng $20.000.000đ + 4\%$ vượt quá $400.000.000đ$ là $592,000đ = 20.592.000đ$.

Đây là số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Đào Văn Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 59 điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị L được ly hôn với anh Đào Văn Đ.
- Về con chung : Giao con Đào Văn D, sinh ngày 13/8/2006 và Đào Văn L, sinh ngày 30/9/2009 cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc anh Đào Văn Đ phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi cháu Đào Văn L. một lần cho đến khi cháu tròn 18 tuổi là 100.500.000đ. Bảo thủ số tiền 100.500.000đ của anh Đào Văn Đ tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Hòa Bình, phòng giao dịch Bưu điện Tân Lạc để đảm bảo thi hành án. Anh Đào Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung ; không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Chia cho chị Đinh Thị L phần nhà đất, chuồng trại, nhà máy say sát và các loại máy say sát cùng toàn bộ cây lâu niên trên thửa đất 591 có diện tích 898,4m². (Đất ở 200m², đất trồng cây lâu niên 698,4m²). Phía Đông giáp đường đi của xóm, đường nội đồng; Phía Tây giáp anh Đào Văn Đ; Phía Bắc giáp nhà ông Ph, S V và T; Phía Nam giáp đường bê tông của xóm. Số đo và thông số các cạnh theo đúng sơ đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 326-2021. Hệ tọa độ VN 2000, xóm B tờ bản đồ số 20-(280423-8-d) ngày 10/8/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Lạc.

+ Chia cho chị Đinh Thị L phần tiền mặt 181.900.000đ (Một trăm tám mươi mốt triệu chín trăm ngàn đồng).

Chị Đinh Thị L còn được nhận thêm phần tiền đóng góp cấp dưỡng nuôi con một lần của anh Đào Văn Đ được bảo thủ tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Hòa Bình, phòng giao dịch Bưu điện Tân Lạc là 100.500.000 đ. Trong đó chị L được nhận toàn bộ 270.300.000 đ (Cả gốc và lãi) tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Hòa Bình, phòng giao dịch Bưu điện Tân Lạc và còn được nhận thêm từ vợ chồng T H 12.100.000đ

- Chia cho anh Đào Văn Đ phần nhà đất, bếp, công trình phụ cùng toàn bộ cây lâu niên trên thửa đất 590 có diện tích 906,1m²(Đất ở 200m², đất trồng cây lâu niên 706,1m²). Phía Đông giáp chị Đinh Thị L; Phía Tây giáp anh Đào Văn B; Phía Bắc giáp nhà ông Ph, S V và T; Phía Nam giáp đường bê tông của xóm. Số đo và thông số các cạnh theo đúng sơ đồ đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 326-2021. Hệ tọa độ VN 2000, xóm B tờ bản đồ số 20-(280423-8-d) ngày 10/8/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Lạc.

+ Chia cho anh Đào Văn Đ phần tiền mặt 181.900.000đ (Một trăm tám mươi mốt triệu chín trăm ngàn đồng) - 100.500.000 đ (Tiền cấp dưỡng) còn 81.400.000đ. Trong đó anh Đào Văn Đ đã cầm từ vợ chồng T H 24.000.000 đ và cầm từ chị Đinh Thị Th 19.500.000. Còn được nhận thêm từ vợ chồng T H 37.900.000đ.

Phần chi phí ngăn giữa nhà anh Đào Văn Đ và chị Đinh Thị L thì chị Đinh Thị L tự nguyện chịu.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các điều 6, 7, 7A, 7B và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành hợp pháp, nếu chưa thực hiện thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm trả.

Công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Đinh Thị L tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; Đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0005005 ngày 29/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, nay được đối trừ và không phải nộp thêm. Ghi nhận chị Đinh Thị L tự nguyện chịu số tiền đã ứng và đã chi cho Hội đồng thẩm định tại chỗ và Hội đồng Định giá là 8.000.000đ. Chị Đinh Thị L phải chịu 20.532.000đ án phí dân sự sơ thẩm, Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000đ theo biên lai số 0005011 ngày 02/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, nay được đối trừ và được hoàn trả 468.000đ.;

Anh Đào Văn Đ phải chịu 5.025.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Anh Đào Văn Đ còn phải chịu 20.592.000đ. án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã TN-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng